

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Nô;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: Số 10, khu phố 4, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 19, ấp Tân Trạch, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 27-12-2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình ông T1, bà T và ông T1 cùng làm việc tại Công ty ChangShin. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, T1h tình không hợp, ông T1 không chăm lo cho gia đình, có người phụ nữ

khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, đôi lúc xảy ra xô xát. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống và chăm lo cho con nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 01-2019, bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau, bà T cùng con chuyển về nhà cha mẹ ruột ở phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai sinh sống, ông T1 sống tại nhà cha mẹ ruột ở xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông T1 có với nhau một con chung tên Nguyễn Văn Hoàng Đ, sinh ngày 17-6-2017. Hiện tại, cháu Đức đang sinh sống cùng bà T, từ khi bà T và ông T1 không còn chung sống cùng nhau, bà T một mình nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông T1 không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Văn Hoàng Đ, sinh ngày 17-6-2017 và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con: 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 25-6-2020, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng và triệu tập làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông T1 không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo văn bản xác nhận ngày 08-5-2020, Công an xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương xác nhận ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 19, ấp Tân Trạch, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Theo biên bản xác minh ngày 21-7-2020 tại Ủy ban nhân dân xã B xác định: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 27-12-2016. Về mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông T1: Trong thời gian chung sống cùng nhau, bà T và ông T1 không đến địa phương trình báo về mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Bà T yêu cầu ly hôn ông T1 là có căn cứ. Hiện nay, cháu Nguyễn Văn Hoàng Đ đang sống cùng với bà T, được chăm sóc, giáo dục tốt. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có địa chỉ cư trú tại tổ 19, ấp Tân Trạch, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 27-12-2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vado bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông T1 đã không còn sống chung từ năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 để làm việc, tham gia hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do thể hiện ông T1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Văn Hoàng Đ, sinh ngày 17-6-2017. Hiện tại, cháu Đức đang sống với bà T, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Do đó, bà T yêu cầu được trực

tiếp nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Hoàng Đ, sinh ngày 17-6-2017 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0037919 ngày 08-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn